

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Lô E9, Đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy,  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VIMECO (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Phan Vũ Anh	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hà	Ủy viên
Ông Vương Xuân Bền	Ủy viên

##### Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Công Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Xuân Bền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Học Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sỹ Thiêm	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2011

Số: 109 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần VIMECO

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần VIMECO (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 8 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Ngô Trung Dũng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

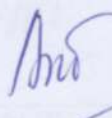
**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>851.030.949.270</b>	<b>839.832.164.613</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>103.339.212.414</b>	<b>123.814.402.384</b>
1. Tiền	111		16.304.932.350	36.814.402.384
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.034.280.064	87.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>396.104.981.767</b>	<b>343.677.798.179</b>
1. Phải thu khách hàng	131		349.835.321.950	325.349.035.191
2. Trả trước cho người bán	132		31.761.781.639	18.959.986.406
3. Các khoản phải thu khác	135		17.164.701.276	2.025.599.680
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.656.823.098)	(2.656.823.098)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>345.432.187.903</b>	<b>366.759.772.243</b>
1. Hàng tồn kho	141		351.074.731.893	372.402.316.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.642.543.990)	(5.642.543.990)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.154.567.186</b>	<b>5.580.191.807</b>
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.154.567.186	5.580.191.807
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>182.344.417.211</b>	<b>207.803.577.137</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>141.843.957.818</b>	<b>164.870.074.771</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	138.753.912.496	161.578.677.471
- Nguyên giá	222		463.691.550.999	465.567.500.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(324.937.638.503)	(303.988.823.257)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>8</b>	-	-
- Nguyên giá	225		1.989.902.495	2.102.168.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.989.902.495)	(2.102.168.488)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	3.090.045.322	3.291.397.300
- Nguyên giá	228		4.569.061.533	4.569.061.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.479.016.211)	(1.277.664.233)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>27.948.423.275</b>	<b>27.239.685.200</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>10</b>	15.369.000.000	15.369.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>11</b>	16.449.500.000	14.449.500.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>11</b>	(3.870.076.725)	(2.578.814.800)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.552.036.118</b>	<b>15.693.817.166</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	12.552.036.118	15.693.817.166
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.033.375.366.481</b>	<b>1.047.635.741.750</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011


**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>835.276.803.302</b>	<b>840.631.541.446</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>762.649.969.262</b>	<b>749.508.533.206</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	303.088.993.400	317.152.802.120
2. Phải trả người bán	312		233.778.179.213	248.822.205.365
3. Người mua trả tiền trước	313		129.203.200.464	92.242.722.986
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	21.058.610.798	21.959.780.539
5. Phải trả người lao động	315		2.524.099.077	19.520.905.588
6. Chi phí phải trả	316	15	15.145.794.559	15.145.794.559
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	52.640.181.099	34.143.520.529
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.210.910.652	520.801.520
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>72.626.834.040</b>	<b>91.123.008.240</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.795.185.220	1.795.185.220
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	70.574.225.520	89.021.114.120
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		257.423.300	306.708.900
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>198.098.563.179</b>	<b>207.004.200.304</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>198.098.563.179</b>	<b>207.004.200.304</b>
1. Vốn điều lệ	411		65.000.000.000	65.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		76.601.817.179	59.551.361.420
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.927.217.125	12.927.217.125
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.569.528.875	39.525.621.759
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.033.375.366.481</b>	<b>1.047.635.741.750</b>

  
 Võ Thị Hải An  
 Người lập biểu

  
 Phạm Văn Vũ  
 Kế toán trưởng



  
 Trần Tuấn Anh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	391.010.669.843	541.063.469.482
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>391.010.669.843</b>	<b>541.063.469.482</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	350.800.723.211	503.070.173.596
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>40.209.946.632</b>	<b>37.993.295.886</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.642.818.048	7.539.885.803
7. Chi phí tài chính	22	22	28.667.397.711	11.693.811.087
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.282.277.104	10.974.482.327
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.996.925.451	7.135.846.365
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>9.188.441.518</b>	<b>26.703.524.237</b>
11. Thu nhập khác	31	23	2.242.552.437	3.179.780.001
12. Chi phí khác	32	23	91.622.121	54.569.212
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>23</b>	<b>2.150.930.316</b>	<b>3.125.210.789</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.339.371.834</b>	<b>29.828.735.026</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	2.769.842.959	6.969.258.375
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>8.569.528.875</b>	<b>22.859.476.651</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.318	3.517

Võ Thị Hải An  
 Người lập biểu

Phạm Văn Vũ  
 Kế toán trưởng



Trần Tuấn Anh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011


**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

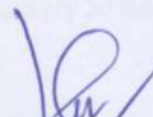
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>11.339.371.834</b>	<b>29.828.735.026</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.746.521.561	26.857.084.704
Các khoản dự phòng	03	1.241.976.325	(72.595.600)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(8.214.832.291)	(10.635.316.592)
Chi phí lãi vay	06	27.282.277.104	10.974.482.327
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>56.395.314.533</b>	<b>56.952.389.865</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(53.932.014.043)	(50.220.693.993)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	21.327.584.340	(38.939.265.880)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	13.036.241.962	(43.901.502.269)
Giảm chi phí trả trước	12	2.567.405.669	1.610.634.647
Tiền lãi vay đã trả	13	(27.991.940.917)	(10.974.482.327)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.238.567.939)	(3.147.522.295)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.036.152.272)	(2.724.435.451)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>6.127.871.333</b>	<b>(91.344.877.703)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.812.026.729)	(47.671.732.804)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.663.636.364	3.150.000.001
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.056.026.382	7.539.885.803
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>5.907.636.017</b>	<b>(41.981.847.000)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011


MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
		đến ngày 30/06/2011	đến ngày 30/06/2010
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	141.541.055.600	227.329.292.356
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(174.051.752.920)	(93.064.675.421)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(9.750.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(32.510.697.320)</i>	<i>124.514.616.935</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(20.475.189.970)	(8.812.107.768)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	123.814.402.384	129.681.397.323
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	103.339.212.414	120.869.289.555

  
Võ Thị Hải An  
Người lập biểu

  
Phạm Văn Vũ  
Kế toán trưởng



  
Trần Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2011